

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 19C1, 19C3 VÀ CÁC KHOÁ CŨ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
ĐỢT 2 _ XÉT THÁNG 5/2022**

(Kèm theo Quyết định số 290/QĐ-LTT-ĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
1	15002977	Dương Văn	Đình	Nam	22/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-CĐT1	5.57	Trung bình	A	B
2	15002581	Vũ Thành	Chương	Nam	25/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-ĐCN4	6.18	Trung bình	A	
3	15002019	Lê Nguyễn Minh	Thông	Nam	30/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-TW	5.71	Trung bình		
4	16000979	Đào Văn	Minh	Nam	19/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-CTM1	6.18	Trung bình	A	B
5	16003388	Đặng Châu Minh	Giang	Nam	02/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-CTM3	6.01	Trung bình	A	B
6	16003535	Dụng Thị Ánh	Tuyết	Nữ	17/11/1997	Bình Thuận	16CĐ-MTT2	6.19	Trung bình	A	B
7	16002813	Nguyễn Quang	Cường	Nam	17/11/1998	Đồng Tháp	16CĐ-TĐH1	6.08	Trung bình	A	
8	16002375	Bùi Thanh	Hải	Nam	25/9/1998	Bến Tre	16CĐ-TP1	6.15	Trung bình		
9	16001495	Trần Phan Quốc	Quân	Nam	07/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TW1	6.07	Trung bình		B
10	17002411	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	04/8/1999	Quảng Ngãi	17C1-CCK4	6.77	Trung bình	A	
11	17003450	Trần	Huy	Nam	08/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CCK7	6.81	Trung bình	A	B
12	17000967	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	11/9/1999	Bắc Ninh	17C1-CNÔ2	6.48	Trung bình		B
13	17003325	Tô Kiến	Trung	Nam	31/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐCN3	6.05	Trung bình	A	B
14	17003089	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	10/4/1999	Long An	17C1-TĐH1	5.96	Trung bình	A	B
15	17001809	Nguyễn Thanh	Bảo	Nam	13/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-TĐH1	6.84	Trung bình	A	
16	17002846	Đoàn Khánh	Huy	Nam	21/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-TĐH1	5.74	Trung bình	A	B
17	17001624	Hoàng Ngọc	Toàn	Nam	02/10/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	17C1-TĐH1	5.55	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
18	18004747	Trần Tấn	Đạt	Nam	07/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK1	6.50	Trung bình		B
19	18001814	Nguyễn Nhật	Tài	Nam	28/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK1	6.28	Trung bình	A	B
20	18002364	Bùi Nguyễn Minh	Huy	Nam	16/6/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK2	6.30	Trung bình	A	B
21	18002313	Phan Thanh	Tánh	Nam	22/9/2000	Bình Thuận	18C1-CCK2	5.89	Trung bình	A	B
22	18002444	Huỳnh Phước	Thông	Nam	04/01/2000	An Giang	18C1-CCK2	6.19	Trung bình	A	B
23	18004699	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	19/02/1999	Tiền Giang	18C1-CCK4	6.00	Trung bình		
24	18003121	Hoàng Tường	Kha	Nam	28/4/2000	Bình Thuận	18C1-CCK4	6.44	Trung bình	A	B
25	18003490	Nguyễn Thanh	Phương	Nam	02/11/2000	Bình Thuận	18C1-CCK4	6.15	Trung bình	A	B
26	18004729	Nguyễn Văn	Tài	Nam	18/5/2000	Tây Ninh	18C1-CCK4	6.64	Trung bình	A	B
27	18003175	Nguyễn Chánh	Tín	Nam	02/10/2000	Bình Định	18C1-CCK4	6.42	Trung bình	A	B
28	18003739	Nguyễn Nhật	Hào	Nam	15/01/2000	Tiền Giang	18C1-CCK5	6.17	Trung bình	A	B
29	18004963	Trương Đình	Khôi	Nam	10/02/2000	Cà Mau	18C1-CCK5	5.86	Trung bình	A	B
30	18003209	Nguyễn An	Khuong	Nam	17/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK5	5.97	Trung bình	A	B
31	18004858	Nguyễn Đình	Nhẫn	Nam	26/5/2000	Quảng Nam	18C1-CCK5	6.10	Trung bình	A	B
32	18003690	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	12/8/2000	Gia Lai	18C1-CCK5	6.28	Trung bình		B
33	18003742	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	31/3/2000	Tiền Giang	18C1-CCK5	6.52	Trung bình		B
34	18004077	Ngô Ngọc	Toàn	Nam	09/7/2000	Bình Thuận	18C1-CCK6	6.07	Trung bình	A	B
35	18004237	Đặng Phước Minh	Đức	Nam	10/10/1999	Thừa Thiên -Huế	18C1-CCK7	6.42	Trung bình	A	B
36	18004235	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	12/8/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK7	6.15	Trung bình	A	B
37	18004779	Phan Hùng	Thi	Nam	27/11/2000	Bình Định	18C1-CCK7	5.63	Trung bình		B
38	18004911	Trần Công	Thương	Nam	27/02/2000	Bạc Liêu	18C1-CCK7	6.51	Trung bình	A	B
39	18005029	Nguyễn Đức	Trận	Nam	01/11/1999	Bình Định	18C1-CCK7	6.30	Trung bình		B
40	18002896	Phạm Hiếu	Lam	Nữ	03/4/2000	Ninh Thuận	18C1-CNM1	6.85	Trung bình	A	B
41	18000906	Đinh Cao	Cường	Nam	17/8/1999	Kiên Giang	18C1-CNÔ1	6.05	Trung bình		B
42	18001052	Hà Ngọc	Khánh	Nam	13/9/1999	Vĩnh Phúc	18C1-CNÔ1	6.29	Trung bình		B
43	18000109	Phạm Văn	Nguyên	Nam	16/12/1999	Đồng Nai	18C1-CNÔ1	5.96	Trung bình	A	B
44	18002683	Huỳnh Trọng	Hiếu	Nam	12/3/1998	Bình Phước	18C1-CNÔ12	6.15	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
45	18002840	Nguyễn	Dur	Nam	17/4/1998	Quảng Ngãi	18C1-CNÔ13	6.54	Trung bình		B
46	18004446	Lê Văn	Đạt	Nam	08/3/2000	Kon Tum	18C1-CNÔ15	6.41	Trung bình	A	B
47	18003184	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	15/4/2000	Lâm Đồng	18C1-CNÔ15	6.71	Trung bình	A	B
48	18003302	Chu Văn	Tuân	Nam	17/10/2000	Gia Lai	18C1-CNÔ16	6.40	Trung bình		B
49	18001914	Lâm Đăng	Khoa	Nam	06/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ3	5.56	Trung bình	A	B
50	18001661	Nguyễn Duy	Lâm	Nam	20/8/1999	Bình Phước	18C1-CNÔ4	6.36	Trung bình		B
51	18001594	Lâm Quốc	Thắng	Nam	16/7/2000	Bình Thuận	18C1-CNÔ4	6.47	Trung bình	A	B
52	18001701	Hoàng Quốc	Trung	Nam	27/8/2000	Lâm Đồng	18C1-CNÔ5	6.35	Trung bình	A	B
53	18002242	Nguyễn Trung	Nhân	Nam	07/4/2000	Long An	18C1-CNÔ9	6.01	Trung bình	A	B
54	18003607	La Công	Danh	Nam	06/10/2000	An Giang	18C1-CTM1	6.35	Trung bình	A	B
55	18005105	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	02/6/2000	Bến Tre	18C1-CTM1	6.46	Trung bình	A	B
56	18003975	Tạ Minh	Tuấn	Nam	09/3/2000	Bình Định	18C1-CTM1	6.33	Trung bình		B
57	18003278	Tạ Văn Hồng	Phê	Nam	02/8/2000	Bình Thuận	18C1-ĐCN2	6.41	Trung bình		B
58	18003277	Tạ Đăng	Tuyên	Nam	02/9/2000	Bình Thuận	18C1-ĐCN2	6.17	Trung bình		B
59	18004292	Nguyễn Công	Bằng	Nam	08/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-ĐĐT1	5.58	Trung bình	A	B
60	18002613	Trần Ngọc	Long	Nam	02/5/2000	Bến Tre	18C1-ĐĐT1	5.82	Trung bình	A	B
61	18003132	Cao Đình	Thương	Nam	28/01/2000	Quảng Ngãi	18C1-ĐĐT1	5.57	Trung bình	A	B
62	18002880	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	13/4/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-ĐĐT1	5.74	Trung bình		B
63	18002333	Đặng Thanh	Vỹ	Nam	22/12/1999	Cà Mau	18C1-ĐĐT1	6.31	Trung bình		B
64	18004128	Cao Thị Tường	Duy	Nữ	08/8/1999	Tây Ninh	18C1-ĐĐT2	6.44	Trung bình	A	B
65	18003984	Nguyễn Tú	Văn	Nam	26/10/2000	Bến Tre	18C1-ĐĐT2	6.50	Trung bình	A	B
66	18005136	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	08/7/2000	Tây Ninh	18C1-KML2	6.40	Trung bình	A	
67	18004347	Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	21/02/2000	Long An	18C1-KML2	6.00	Trung bình		B
68	18002080	Hồ Anh	Quang	Nam	20/9/2000	Ninh Thuận	18C1-LTM1	6.25	Trung bình		B
69	18004234	Nguyễn Thanh	Trường	Nam	06/5/1998	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-QTD1	6.32	Trung bình	A	B
70	18005787	Lê Hồng	Hải	Nam	25/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-QTM1	6.62	Trung bình		B
71	18001979	Phạm Hồng	Thái	Nam	28/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-QTM1	6.24	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
72	18005256	Võ Minh	Quyền	Nam	18/7/1999	Quảng Ngãi	18C1-THU1	6.08	Trung bình		B
73	18001846	Huỳnh Đỗ Nhật	Huy	Nam	23/9/2000	Long An	18C1-TKĐ1	6.55	Trung bình		B
74	18004412	Vũ Minh	Thuận	Nam	01/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-TKĐ1	6.83	Trung bình		
75	18001676	Vương Minh	Sang	Nam	04/02/2000	Long An	18C1-VSL1	6.44	Trung bình	A	B
76	18004185	Trần Quang	Huy	Nam	17/6/2000	Bình Phước	18C1-VSL2	6.89	Trung bình	A	B
77	18003514	Trần Hoài	Thân	Nam	29/9/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-VSL2	6.37	Trung bình	A	B
78	18003581	Nguyễn Nhựt	Thanh	Nam	28/4/1993	Sóc Trăng	18C1-VSL2	6.69	Trung bình		B
79	18004564	Đặng Anh	Kiệt	Nam	10/4/2000	Quảng Ngãi	18C1-VSL3	6.49	Trung bình	A	B
80	18004928	Lê Quang	Việt	Nam	13/9/2000	Quảng Trị	18C1-VSL3	7.18	Khá	A	B
81	19004311	Trần Lê Như	Bình	Nữ	16/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CĐT1	8.06	Giỏi	A	B
82	19003833	Nguyễn Phạm Hữu	Được	Nam	01/01/2001	Quảng Ngãi	19C1-CĐT1	6.76	Trung bình	A	B
83	19001827	Nguyễn Hồng	Khanh	Nam	19/01/2001	Bình Thuận	19C1-CĐT1	7.48	Khá	A	B
84	19001274	Trần Chí	Thiện	Nam	10/10/1999	Ninh Thuận	19C1-CĐT1	7.12	Khá	A	B
85	19000968	Dịp Trương	Bảo	Nam	22/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐCN1	6.85	Trung bình		
86	19002642	Lương Đình	Thắng	Nam	23/01/2001	Lâm Đồng	19C1-ĐCN1	7.23	Khá	A	B
87	19001816	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	14/7/2001	Lâm Đồng	19C1-ĐCN1	6.87	Trung bình	A	B
88	19003171	Trần Phước	An	Nam	12/6/2000	Đồng Tháp	19C1-ĐCN2	7.43	Khá	A	B
89	19004608	Trần Minh	Chí	Nam	09/02/1999	Tiền Giang	19C1-ĐCN2	6.69	Trung bình	A	B
90	19003843	Trần Chí	Công	Nam	15/8/2001	Thái Bình	19C1-ĐCN2	6.26	Trung bình	A	B
91	19004854	Trần Hữu Duy	Đạt	Nam	29/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐCN2	7.20	Khá	A	B
92	19003956	Nguyễn Hoàng	Dũng	Nam	06/12/2001	Long An	19C1-ĐCN2	6.16	Trung bình	A	B
93	19004266	Hoàng Văn	Hùng	Nam	25/02/2001	Lâm Đồng	19C1-ĐCN2	6.95	Trung bình	A	B
94	19003665	Nguyễn Đình	Hung	Nam	10/5/2001	Hà Tĩnh	19C1-ĐCN2	7.01	Khá	A	B
95	19005088	Đỗ Duy	Khiêm	Nam	01/8/1998	Cà Mau	19C1-ĐCN2	8.12	Giỏi	A	B
96	19003493	Trần Thanh	Liêm	Nam	24/5/2000	Tiền Giang	19C1-ĐCN2	6.10	Trung bình	A	B
97	19003501	Đặng Thế	Nguyên	Nam	22/6/2000	Đồng Tháp	19C1-ĐCN2	7.57	Khá	A	
98	19003169	Nguyễn Trung	Nhân	Nam	15/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐCN2	6.79	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
99	19005410	Đỗ	Quang	Nam	02/6/1994	Bình Phước	19C1-ĐCN2	7.84	Khá	A	B
100	19003097	Trần Đỗ Huy	Quyền	Nam	27/4/1999	Bình Dương	19C1-ĐCN2	6.81	Trung bình	A	B
101	19005014	Huỳnh Ngọc	Tân	Nam	21/02/2001	Quảng Ngãi	19C1-ĐCN2	7.27	Khá	A	B
102	19004226	Nguyễn Ngọc Hoàng	Thiên	Nam	01/01/2001	Quảng Ngãi	19C1-ĐCN2	6.96	Trung bình	A	B
103	19003841	Nguyễn Quốc	Tuấn	Nam	20/9/1996	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐCN2	8.52	Giỏi	A	B
104	19004317	Chu Hồng	Anh	Nam	05/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐĐT1	6.96	Trung bình	A	
105	19002365	Nguyễn Đức	Dinh	Nam	29/3/2001	Long An	19C1-ĐĐT1	6.01	Trung bình	A	B
106	19001736	Lê Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	14/01/2001	Đồng Tháp	19C1-ĐĐT1	7.18	Khá	A	B
107	19000975	Nguyễn Thị Xuân	Hiệp	Nữ	19/5/1994	Trà Vinh	19C1-ĐĐT1	6.68	Trung bình	A	B
108	19004197	Ông Quốc	Hòa	Nam	09/11/2001	Trà Vinh	19C1-ĐĐT1	7.31	Khá	A	B
109	19002881	Nguyễn Song	Hoàng	Nam	07/5/2001	Đồng Nai	19C1-ĐĐT1	6.06	Trung bình	A	B
110	19003970	Trương Quốc	Huy	Nam	08/7/1999	Đắk Nông	19C1-ĐĐT1	6.66	Trung bình	A	B
111	19000423	Nguyễn Trọng	Khang	Nam	22/02/2001	Long An	19C1-ĐĐT1	5.80	Trung bình	A	
112	19002792	Mai Quốc	Khuong	Nam	23/3/2001	Long An	19C1-ĐĐT1	5.88	Trung bình		B
113	19002823	Trần Ngọc	Lĩnh	Nam	15/12/2001	Bình Định	19C1-ĐĐT1	6.65	Trung bình	A	B
114	19002870	Trần Nhật	Minh	Nam	25/12/2001	Trà Vinh	19C1-ĐĐT1	6.22	Trung bình	A	B
115	19002953	Hồ Châu	Nhất	Nam	31/7/2001	Bình Định	19C1-ĐĐT1	7.76	Khá	A	B
116	19002045	Võ Công	Tiến	Nam	29/3/1996	Thừa Thiên -Huế	19C1-ĐĐT1	8.02	Giỏi	A	B
117	19002035	Đào Duy	Tin	Nam	21/4/2000	Bình Định	19C1-ĐĐT1	6.60	Trung bình	A	B
118	19000044	Lê Đức	Trong	Nam	30/10/1996	Long An	19C1-ĐĐT1	7.47	Khá	A	B
119	19003680	Nguyễn Hoàng	Ân	Nam	30/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐĐT2	7.59	Khá	A	B
120	19003564	Lê Văn	Bắc	Nam	16/8/2001	Nghệ An	19C1-ĐĐT2	6.98	Trung bình		B
121	19003526	Phạm Ngọc	Hân	Nam	23/5/2001	Bình Định	19C1-ĐĐT2	6.75	Trung bình	A	B
122	19002969	Phan Huỳnh	Long	Nam	10/6/1997	Bình Định	19C1-ĐĐT2	7.65	Khá	A	B
123	19003276	Nguyễn Thành	Nam	Nam	04/01/2001	Bình Định	19C1-ĐĐT2	7.69	Khá	A	B
124	19002980	Lê Hoàng	Phong	Nam	05/3/2001	Bình Thuận	19C1-ĐĐT2	6.42	Trung bình		
125	19004296	Mai Văn	Quang	Nam	15/10/2001	Vĩnh Phúc	19C1-ĐĐT2	7.49	Khá	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
126	19005258	Hồ Dũng	Sĩ	Nam	04/12/2001	Bình Phước	19C1-ĐĐT2	7.36	Khá	A	B
127	19005237	Nguyễn Tấn	Sĩ	Nam	10/01/1995	Quảng Nam	19C1-ĐĐT2	8.41	Giỏi	A	B
128	19003320	Bùi Hữu	Tài	Nam	13/10/2001	Trà Vinh	19C1-ĐĐT2	7.59	Khá	A	B
129	19002650	Lê Thị Minh	Tâm	Nữ	05/11/2001	Đồng Nai	19C1-ĐĐT2	8.12	Giỏi	A	B
130	19004347	Phạm Thanh	Tâm	Nam	06/3/2001	Tiền Giang	19C1-ĐĐT2	6.07	Trung bình		B
131	19003100	Nguyễn Tuấn	Thao	Nam	04/12/2001	Ninh Thuận	19C1-ĐĐT2	7.55	Khá	A	B
132	19004015	Biện Thành	Thi	Nam	04/6/2000	Long An	19C1-ĐĐT2	8.37	Giỏi	A	B
133	19002016	Nguyễn Vũ	Thịnh	Nam	26/12/2001	Bắc Ninh	19C1-ĐĐT2	7.16	Khá	A	B
134	19003909	Đinh Ngọc	Tú	Nam	28/4/2001	Tây Ninh	19C1-ĐĐT2	7.53	Khá	A	B
135	19005268	Nguyễn Đức	Vũ	Nam	06/01/1991	Bình Thuận	19C1-ĐĐT2	7.31	Khá	A	B
136	19003810	Phạm Xuân	Vũ	Nam	05/10/2001	Quảng Nam	19C1-ĐĐT2	7.08	Khá	A	B
137	19004307	Nguyễn Tuấn	Chung	Nam	03/7/2001	Đắk Lắk	19C1-TĐH1	6.44	Trung bình	A	B
138	19002349	Tổng Tấn	Đạt	Nam	01/7/2001	Cà Mau	19C1-TĐH1	8.22	Giỏi	A	B
139	19004664	Nguyễn Công	Đức	Nam	20/12/2001	Nghệ An	19C1-TĐH1	6.21	Trung bình	A	B
140	19003362	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	02/9/2000	Hà Tĩnh	19C1-TĐH1	7.06	Khá	A	B
141	19003123	Nguyễn Lê Hoàn	Minh	Nam	27/4/2001	Đắk Nông	19C1-TĐH1	6.88	Trung bình		B
142	19002956	Võ Trần Nhật	Nam	Nam	14/10/2001	Đồng Nai	19C1-TĐH1	8.51	Giỏi	A	B
143	19004508	Huỳnh Thanh	Nhân	Nam	23/9/1999	Tiền Giang	19C1-TĐH1	7.92	Khá	A	B
144	19003850	Nguyễn Duy	Nhật	Nam	24/8/2000	Đồng Nai	19C1-TĐH1	7.39	Khá	A	B
145	19000061	Nguyễn Phan Hoàng	Phúc	Nam	08/5/1994	Bình Thuận	19C1-TĐH1	9.05	Xuất sắc	A	B
146	19005099	Đặng Minh	Phước	Nam	19/01/2001	Bình Thuận	19C1-TĐH1	8.21	Giỏi	A	B
147	19002850	Lê Minh	Quân	Nam	08/4/2001	Bình Thuận	19C1-TĐH1	7.07	Khá	A	B
148	19003971	Nguyễn Gia	Quang	Nam	10/9/2001	Quảng Trị	19C1-TĐH1	6.48	Trung bình	A	B
149	19000007	Lê Minh	Sang	Nam	28/01/1995	Tiền Giang	19C1-TĐH1	7.43	Khá	A	B
150	19002740	Nguyễn Lê Bình	Sang	Nam	08/11/2001	Bình Dương	19C1-TĐH1	6.38	Trung bình	A	B
151	19004152	Bùi Văn Tuấn	Vũ	Nam	19/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TĐH1	8.70	Giỏi	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
152	19003617	Nguyễn Trần	Hoàng Công	Nam	15/6/2001	Bình Định	19C1-CNL1	6.55	Trung bình	A	
153	19001673	Nguyễn	Thanh Hoà	Nam	17/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNL1	6.51	Trung bình	A	B
154	19002911	Huỳnh	Huy Hoàng	Nam	10/02/2000	Ninh Thuận	19C1-CNL1	6.40	Trung bình	A	
155	19002554	Hà	Nam Hùng	Nam	08/9/2001	Đồng Nai	19C1-CNL1	6.28	Trung bình	A	B
156	19003709	Trần	Thanh Huy	Nam	29/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNL1	6.52	Trung bình	A	
157	19003795	Vũ	Đình Khoa	Nam	24/01/2000	Hải Phòng	19C1-CNL1	6.22	Trung bình	A	B
158	19003716	Huỳnh	Tấn Lộc	Nam	10/4/2001	Tiền Giang	19C1-CNL1	6.04	Trung bình	A	
159	19001693	Lâm	Hữu Lộc	Nam	23/4/2001	Đồng Nai	19C1-CNL1	6.40	Trung bình	A	
160	19004653	Lê	Thiện Minh	Nam	01/01/2000	An Giang	19C1-CNL1	6.69	Trung bình		
161	19003359	Nguyễn	Hải Nam	Nam	03/01/2001	Long An	19C1-CNL1	6.84	Trung bình	A	B
162	19002612	Huỳnh	Dương Phi	Nam	25/5/2001	Phú Yên	19C1-CNL1	6.12	Trung bình	A	
163	19002209	Nguyễn	Thành Phú	Nam	21/01/2001	Long An	19C1-CNL1	6.98	Trung bình	A	
164	19003208	Võ	Phong Quang	Nam	02/02/2001	Bình Định	19C1-CNL1	7.00	Khá		B
165	19001807	Lê	Văn Quyết	Nam	01/5/2000	Bắc Ninh	19C1-CNL1	6.37	Trung bình	A	B
166	19002730	Lê	Duy Tâm	Nam	10/9/2001	Đồng Nai	19C1-CNL1	6.49	Trung bình	A	B
167	19000016	Nguyễn	Dương Thanh	Nam	11/3/1997	Long An	19C1-CNL1	8.01	Giỏi		B
168	19002818	Nguyễn	Tiến Thành	Nam	04/4/2001	Cần Thơ	19C1-CNL1	7.11	Khá	A	B
169	19000613	Phan	Minh Thành	Nam	27/7/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNL1	7.38	Khá	A	B
170	19000444	Hồ	Thanh Thiên	Nam	20/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNL1	7.44	Khá	A	
171	19003267	Huỳnh	Hữu Trọng	Nam	23/11/2001	Tiền Giang	19C1-CNL1	6.67	Trung bình	A	B
172	19003736	Phạm	Duy Trọng	Nam	17/3/2001	Kiên Giang	19C1-CNL1	6.23	Trung bình	A	B
173	19003799	Nguyễn	Văn Trường	Nam	20/10/2001	Bình Định	19C1-CNL1	6.88	Trung bình	A	B
174	19003734	Bùi	Ngọc Tú	Nam	02/01/2001	Bình Định	19C1-CNL1	6.70	Trung bình	A	
175	19003775	Nguyễn	Quang Tuấn	Nam	19/6/2001	Cần Thơ	19C1-CNL1	7.02	Khá		B
176	19002655	Nguyễn	Khánh Tường	Nam	31/10/2001	Bến Tre	19C1-CNL1	6.47	Trung bình		
177	19001719	Lê	Văn Vương	Nam	12/7/2001	Long An	19C1-CNL1	7.38	Khá	A	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
178	19003334	Võ Thành	Đạt	Nam	31/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1	7.21	Khá	A	B
179	19003008	Nguyễn Phạm Công	Dự	Nam	22/01/2001	Kiên Giang	19C1-KML1	7.62	Khá	A	
180	19003193	Mai Trần Gia	Huy	Nam	22/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1	7.01	Khá	A	
181	19003325	Phạm Hoàng	Hy	Nam	27/01/2001	Phú Yên	19C1-KML1	6.47	Trung bình		B
182	19003065	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	19/3/2001	Hà Nội (Hà tây cũ)	19C1-KML1	6.89	Trung bình	A	
183	19000240	Nguyễn Đức	Phuong	Nam	22/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1	6.86	Trung bình	A	B
184	19003012	Nguyễn Đình Hoàng	Trang	Nam	15/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1	7.12	Khá	A	
185	19002793	Phạm Hữu	Trí	Nam	25/12/2001	Kiên Giang	19C1-KML1	6.71	Trung bình	A	
186	19003042	Phan Minh	Triết	Nam	16/7/2001	Long An	19C1-KML1	7.53	Khá	A	B
187	19003003	Trần Ngọc	Trường	Nam	25/8/2001	Kiên Giang	19C1-KML1	7.43	Khá	A	B
188	19003203	Kiều Thành	Tựu	Nam	04/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1	6.46	Trung bình		
189	19004430	Trần Phước	Đạt	Nam	06/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML2	6.60	Trung bình		
190	19003567	Nguyễn Thiên Ân	Điện	Nam	14/11/2001	Ninh Thuận	19C1-KML2	8.23	Giỏi	A	B
191	19003844	Trần Đình	Đức	Nam	31/12/2001	Hà Tĩnh	19C1-KML2	7.00	Khá	A	B
192	19003408	Phan Văn	Linh	Nam	26/11/2000	Đắk Lắk	19C1-KML2	6.46	Trung bình		
193	19003907	Đỗ Thành	Lương	Nam	11/7/2001	Quảng Ngãi	19C1-KML2	7.53	Khá	A	B
194	19003432	Hong Quang	Ngọc	Nam	27/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML2	6.88	Trung bình	A	B
195	19003674	Lê Trọng	Quân	Nam	28/3/2001	Gia Lai	19C1-KML2	6.85	Trung bình		B
196	19004579	Nguyễn Văn	Tài	Nam	13/3/2000	Hà Tĩnh	19C1-KML2	7.81	Khá	A	B
197	19004232	Từ Sĩ	Thiện	Nam	04/7/2001	Bình Thuận	19C1-KML2	6.55	Trung bình	A	B
198	19004378	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	14/8/1982	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML2	8.03	Giỏi	A	B
199	19005228	Nguyễn Thành	Trung	Nam	06/12/1995	Đắk Nông	19C1-KML2	6.78	Trung bình		
200	19004094	Vũ Đức	Tuân	Nam	21/11/1999	Nam Định	19C1-KML2	7.61	Khá		
201	19003595	Võ Đình	Tuyền	Nam	16/4/1994	Bình Thuận	19C1-KML2	7.01	Khá		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
202	19002446	Lê Tuấn	Anh	Nam	18/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LĐL1	6.84	Trung bình	A	B
203	19003229	Trần Quốc	Đạt	Nam	29/9/2001	Long An	19C1-LĐL1	6.65	Trung bình		B
204	19001251	Lê Hoàng	Huy	Nam	13/6/2001	Tiền Giang	19C1-LĐL1	6.89	Trung bình	A	B
205	19003296	Bùi Văn	Trọng	Nam	01/02/2001	Long An	19C1-LĐL1	6.81	Trung bình	A	
206	19003363	Nguyễn Văn	Tỷ	Nam	09/4/2001	Tây Ninh	19C1-LĐL1	7.08	Khá	A	B
207	19002126	Dương Quốc	An	Nam	16/4/2001	Đồng Tháp	19C1-VSL1	6.60	Trung bình		B
208	19002447	Huỳnh Quang	Chí	Nam	26/4/2001	Quảng Ngãi	19C1-VSL1	7.12	Khá	A	B
209	19002485	Lê Thành	Đạt	Nam	09/9/2001	Long An	19C1-VSL1	7.25	Khá	A	B
210	19002803	Lê Quang	Dũng	Nam	19/9/2001	Lâm Đồng	19C1-VSL1	7.07	Khá	A	B
211	19003044	Dương Anh	Hùng	Nam	06/10/2001	An Giang	19C1-VSL1	6.61	Trung bình	A	B
212	19001931	Nguyễn Gia	Huy	Nam	23/11/2001	Tiền Giang	19C1-VSL1	7.14	Khá	A	B
213	19002645	Nguyễn Song	Huy	Nam	07/5/2001	Đồng Nai	19C1-VSL1	6.85	Trung bình	A	B
214	19002068	Phạm Hùng	Khánh	Nam	20/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL1	6.61	Trung bình	A	B
215	19001003	Nguyễn Hồng Thiên	Long	Nam	19/01/2000	Bình Thuận	19C1-VSL1	7.20	Khá	A	B
216	19003172	Trần Thanh	Mãi	Nam	27/11/2001	Trà Vinh	19C1-VSL1	8.16	Giỏi	A	B
217	19002431	Tô Thanh	Phong	Nam	20/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL1	6.92	Trung bình	A	
218	19002721	Võ Hồng	Phong	Nam	06/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL1	7.38	Khá	A	B
219	19002936	Trương Hoài	Phương	Nam	01/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL1	7.97	Khá	A	B
220	18003729	Ngô Anh	Quân	Nam	29/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL1	7.32	Khá	A	B
221	19002765	Nguyễn Trường	Sơn	Nam	17/10/2000	Bến Tre	19C1-VSL1	7.58	Khá	A	B
222	19003157	Lê Tấn	Thành	Nam	20/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL1	6.69	Trung bình	A	B
223	19002125	Tô Phước	Vinh	Nam	20/9/2001	Đồng Tháp	19C1-VSL1	6.60	Trung bình		B
224	19004235	Trịnh Công	Đề	Nam	11/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL2	7.23	Khá	A	B
225	19002775	Bùi Trần Quang	Khải	Nam	10/3/2001	Kiên Giang	19C1-VSL2	7.22	Khá	A	
226	19003188	Lê Văn	Nam	Nam	10/8/2001	Thanh Hoá	19C1-VSL2	7.71	Khá		B
227	19003448	Trần Công	Nghiệp	Nam	15/9/2001	Long An	19C1-VSL2	7.52	Khá	A	B
228	19002834	Phạm Công Tiến	Phát	Nam	28/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL2	6.77	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
229	19004348	Nguyễn Xuân	Tân	Nam	14/02/2001	Đồng Nai	19C1-VSL2	7.40	Khá	A	B
230	19004415	Bùi Minh	Trí	Nam	27/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL2	6.40	Trung bình		B
231	19004523	Lê Nguyễn	Trọn	Nam	18/12/2001	Đồng Tháp	19C1-VSL2	7.51	Khá	A	
232	19003394	Phan Khánh	Tuấn	Nam	17/11/2000	Quảng Ngãi	19C1-VSL2	7.37	Khá	A	B
233	19005084	Trần Anh	Tuấn	Nam	07/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL2	7.49	Khá	A	B
234	19004516	Trần Khán	Vĩ	Nam	20/10/2001	An Giang	19C1-VSL2	6.98	Trung bình		B
235	19003821	Phạm Nhật	Anh	Nam	08/8/2001	Bình Thuận	19C1-BCN1	7.56	Khá		B
236	19003152	Trần Lê Quốc	Anh	Nam	01/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-BCN1	6.10	Trung bình		
237	19003629	Nguyễn Tuấn	Bằng	Nam	19/12/2001	Bến Tre	19C1-BCN1	6.53	Trung bình		B
238	19003969	Đặng Duy	Hùng	Nam	21/4/2001	Bình Phước	19C1-BCN1	6.86	Trung bình		
239	19002648	Trần Thành	Lộc	Nam	18/4/2001	Tây Ninh	19C1-BCN1	6.21	Trung bình		
240	19002919	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	23/10/2001	Tây Ninh	19C1-BCN1	6.74	Trung bình	A	B
241	19002947	Đàm Văn	Thắng	Nam	17/3/2001	Đồng Nai	19C1-BCN1	6.88	Trung bình		
242	19003759	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	26/4/2001	Tây Ninh	19C1-BCN1	8.21	Giỏi	A	B
243	19003037	Lê Hoàng	Thiện	Nam	13/9/2001	Long An	19C1-BCN1	6.37	Trung bình		B
244	19003071	Nguyễn Hoài	Vũ	Nam	10/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-BCN1	6.23	Trung bình		
245	19002459	Võ Tấn	Đạt	Nam	06/9/2001	Long An	19C1-CCK1	6.44	Trung bình		B
246	19000901	Trần Mạnh	Định	Nam	08/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK1	7.58	Khá	A	B
247	19001606	Lê Anh	Dũng	Nam	20/11/1998	Hà Tĩnh	19C1-CCK1	7.60	Khá	A	B
248	19002514	Nguyễn Thanh	Hiền	Nam	15/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK1	5.78	Trung bình	A	B
249	19002354	Phạm Trương Hiền	Nhi	Nữ	30/11/2001	Lâm Đồng	19C1-CCK1	6.88	Trung bình	A	B
250	19000756	Nguyễn Thanh	Son	Nam	30/7/1989	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK1	8.20	Giỏi	A	B
251	19001603	Đỗ Hữu	Thịnh	Nam	10/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK1	7.06	Khá	A	B
252	19001491	Bùi Quốc	Toàn	Nam	12/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK1	6.34	Trung bình	A	B
253	19000038	Trần Ngọc	Tú	Nam	06/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK1	6.48	Trung bình	A	B
254	19003115	Đồng Gia	Cả	Nam	20/10/2001	Bình Định	19C1-CCK3	7.93	Khá	A	B
255	19003178	Võ Sĩ	Cồ	Nam	10/7/2001	Bình Định	19C1-CCK3	7.88	Khá	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
256	19002914	Trần Hoài	Son	Nam	21/8/2001	Bình Thuận	19C1-CCK3	6.92	Trung bình	A	B
257	19002925	Phạm Văn	Thành	Nam	10/8/2001	Hà Nam	19C1-CCK3	7.58	Khá	A	B
258	19002212	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	17/4/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK4	6.87	Trung bình		
259	19003371	Trần Trí	Phát	Nam	27/6/2001	Long An	19C1-CCK4	7.19	Khá		
260	19001479	Nguyễn Tấn	Thành	Nam	19/4/2000	An Giang	19C1-CCK4	7.52	Khá		
261	19004480	Nguyễn Văn Tú	Anh	Nam	28/01/2001	Thừa Thiên -Huế	19C1-CCK5	6.22	Trung bình		B
262	19005010	Đặng Văn Hữu	Bằng	Nam	28/9/2001	An Giang	19C1-CCK5	6.26	Trung bình		
263	19005179	Hồ Ngọc Thành	Danh	Nam	17/7/2001	Bình Phước	19C1-CCK5	6.82	Trung bình		
264	19004302	Nguyễn Hữu	Hung	Nam	27/7/2001	Hà Nội	19C1-CCK5	6.49	Trung bình		
265	19004323	Đỗ Ngọc	Khánh	Nam	12/6/2001	Thanh Hoá	19C1-CCK5	6.52	Trung bình		B
266	19004247	Trần Thanh	Phong	Nam	12/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK5	7.30	Khá		
267	19005218	Phan Quốc	Thái	Nam	14/01/2001	Tây Ninh	19C1-CCK5	6.19	Trung bình		
268	19004246	Huỳnh Văn	Trung	Nam	09/3/2001	An Giang	19C1-CCK5	7.33	Khá		
269	19005217	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	26/02/2001	Tây Ninh	19C1-CCK5	6.37	Trung bình		
270	19002994	Đoàn Quý	Anh	Nam	01/01/2001	Cần Thơ	19C1-CTM1	6.21	Trung bình		
271	19002637	Bùi Khánh	Bằng	Nam	20/3/2001	Tây Ninh	19C1-CTM1	6.35	Trung bình		B
272	19004514	Đoàn Thành	Luân	Nam	23/11/2001	Bến Tre	19C1-CTM1	7.76	Khá	A	
273	19002800	Nguyễn Đức	Lưu	Nam	01/9/1986	Phú Thọ	19C1-CTM1	6.66	Trung bình		
274	19000961	Nguyễn Hoàng	Ngọc	Nam	26/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CTM1	8.00	Giỏi	A	B
275	19003348	Nguyễn Đức Vũ	Nguyên	Nam	05/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CTM1	7.41	Khá	A	B
276	19002948	Hoàng Ngọc	Nhất	Nam	22/10/2001	Bình Thuận	19C1-CTM1	6.63	Trung bình	A	B
277	19003284	Nguyễn Tiến	Phong	Nam	30/5/2001	Long An	19C1-CTM1	6.54	Trung bình	A	
278	19003546	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	18/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CTM1	6.65	Trung bình		B
279	19002708	Lê Đức	Quý	Nam	06/10/2001	Bình Thuận	19C1-CTM1	6.50	Trung bình	A	B
280	19002344	Tổng Hải	Son	Nam	10/9/1995	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CTM1	7.19	Khá	A	B
281	19002105	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	04/8/2001	Bình Thuận	19C1-CTM1	7.27	Khá	A	B
282	19000333	Nguyễn Chiến	Thắng	Nam	06/9/1990	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CTM1	7.13	Khá	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
283	19003358	Phạm Hùng	Tiến	Nam	21/5/2001	Quảng Ngãi	19C1-CTM1	6.84	Trung bình	A	
284	19002008	Thới Văn	Tiến	Nam	14/12/2001	Bình Thuận	19C1-CTM1	6.51	Trung bình	A	B
285	19000204	Hoàng Hoài	Bắc	Nam	01/10/1998	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-CNÔ1	7.10	Khá	A	B
286	19004457	Dương Quốc Khánh	Chương	Nam	17/10/2000	Long An	19C1-CNÔ1	7.18	Khá	A	
287	19001271	Huỳnh Nhật	Hào	Nam	24/01/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ1	6.79	Trung bình	A	B
288	19001041	Lê Hữu	Hậu	Nam	06/12/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ1	7.33	Khá	A	B
289	19000307	Lê Nhi	Khang	Nam	02/02/2000	Long An	19C1-CNÔ1	7.26	Khá	A	B
290	19000244	Nguyễn Bá	Linh	Nam	01/9/1994	Bình Phước	19C1-CNÔ1	7.85	Khá	A	B
291	19000084	Lê Bảo	Lộc	Nam	27/01/1997	Tây Ninh	19C1-CNÔ1	6.70	Trung bình	A	B
292	19000199	Nguyễn Quốc	Lộc	Nam	05/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ1	7.22	Khá	A	B
293	19000571	Nguyễn Bảo	Long	Nam	17/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ1	7.29	Khá	A	
294	19000668	Nguyễn Đình Phương	Nam	Nam	09/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ1	6.90	Trung bình	A	B
295	19004504	Lê Hoàng	Nhạn	Nam	31/5/2001	Long An	19C1-CNÔ1	6.54	Trung bình	A	
296	19004666	Nguyễn Thế	Nhật	Nam	11/01/2000	Lâm Đồng	19C1-CNÔ1	6.64	Trung bình		
297	19001281	Đoàn Minh	Phát	Nam	19/5/2000	Kiên Giang	19C1-CNÔ1	6.47	Trung bình		
298	19000757	Phan Hoài	Phong	Nam	12/4/2000	Bình Định	19C1-CNÔ1	7.76	Khá	A	B
299	19000833	Đào Duy	Phúc	Nam	05/7/2000	Long An	19C1-CNÔ1	7.58	Khá		B
300	19000079	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	10/8/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ1	6.80	Trung bình	A	B
301	19000287	Lê Trung Vĩnh	Sang	Nam	06/7/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ1	7.58	Khá	A	B
302	19000819	Trương Thanh	Son	Nam	10/6/1997	Bến Tre	19C1-CNÔ1	7.85	Khá	A	B
303	19000083	Trần Trọng	Thoại	Nam	24/6/1997	Tây Ninh	19C1-CNÔ1	7.05	Khá	A	B
304	19001075	Nguyễn Minh	Thông	Nam	01/12/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ1	6.91	Trung bình		B
305	19001106	Lương Mạnh	Tiến	Nam	18/8/1997	Bình Phước	19C1-CNÔ1	7.16	Khá	A	B
306	19004336	Nguyễn Hoàng	Trọng	Nam	18/10/2000	Đồng Tháp	19C1-CNÔ1	6.92	Trung bình		B
307	19004372	Hồ Quang	Trường	Nam	04/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ1	7.45	Khá	A	B
308	19001821	Nguyễn Hoàng Thiên	Ân	Nam	15/9/2001	Đồng Nai	19C1-CNÔ2	6.34	Trung bình		
309	19001841	Huỳnh Cao	Anh	Nam	01/7/2001	Long An	19C1-CNÔ2	6.09	Trung bình		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
310	19003366	Lâm Hoàng	Bảo	Nam	01/01/2001	Long An	19C1-CNÔ2	6.37	Trung bình	A	B
311	19003477	Huỳnh Phước	Đạt	Nam	18/02/2001	Long An	19C1-CNÔ2	6.01	Trung bình	A	
312	19001839	Võ Từ	Dũ	Nam	10/3/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ2	6.36	Trung bình		B
313	19003378	Uông Minh	Đức	Nam	06/8/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ2	6.46	Trung bình		B
314	19001856	Trương Quốc	Duy	Nam	02/5/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ2	6.80	Trung bình	A	B
315	19003373	Huỳnh Tấn	Hào	Nam	06/5/2001	Lâm Đồng	19C1-CNÔ2	6.78	Trung bình	A	B
316	19003475	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	30/10/2000	Long An	19C1-CNÔ2	6.46	Trung bình		
317	19001784	Sử Thanh	Hoàng	Nam	27/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ2	7.39	Khá		
318	19001782	Nguyễn Minh	Hy	Nam	04/10/2001	Long An	19C1-CNÔ2	7.03	Khá		B
319	19001891	Nguyễn Hoàng	Kha	Nam	28/7/2001	Long An	19C1-CNÔ2	6.32	Trung bình		B
320	19001721	Nguyễn Hoàng	Lam	Nam	27/01/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ2	7.25	Khá		B
321	19003427	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	10/9/2000	Long An	19C1-CNÔ2	6.62	Trung bình	A	B
322	19001838	Lê Văn	Ngọc	Nam	12/8/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ2	6.57	Trung bình		B
323	19001857	Nguyễn Thái	Son	Nam	14/3/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ2	6.67	Trung bình		B
324	19001781	Trương Hoàng	Thông	Nam	24/4/2001	Long An	19C1-CNÔ2	7.69	Khá		B
325	19001779	Nguyễn Thanh	Tiến	Nam	04/01/2001	Long An	19C1-CNÔ2	7.60	Khá		B
326	19001571	Phạm Lê Công	Toàn	Nam	05/3/2000	Long An	19C1-CNÔ2	6.65	Trung bình		B
327	19001723	Trần Nhật	Trường	Nam	19/4/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ2	7.02	Khá		B
328	19001711	Trần Vũ	An	Nam	10/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	6.33	Trung bình	A	B
329	19001974	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	05/6/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ3	6.77	Trung bình	A	B
330	19001865	Nguyễn Huỳnh	Đức	Nam	25/7/2001	Bình Định	19C1-CNÔ3	7.02	Khá	A	B
331	19001936	Dương Trường	Giang	Nam	23/02/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ3	6.06	Trung bình	A	
332	19001896	Lê Minh	Hiếu	Nam	02/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	7.09	Khá	A	B
333	19003166	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	17/01/2001	Đồng Nai	19C1-CNÔ3	6.61	Trung bình	A	B
334	19001925	Phạm Thành	Lâm	Nam	13/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	6.79	Trung bình	A	B
335	19001895	Đặng Chí	Lel	Nam	06/4/2001	Bạc Liêu	19C1-CNÔ3	6.49	Trung bình	A	B
336	19003531	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	09/12/2001	Long An	19C1-CNÔ3	6.04	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
337	19001954	Nguyễn Đỗ Minh	Nhựt	Nam	20/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	6.39	Trung bình	A	B
338	19001935	Huỳnh Phương	Phú	Nam	21/11/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ3	7.42	Khá	A	B
339	19003498	Dương Phú	Quý	Nam	28/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	7.11	Khá	A	
340	19001957	Đặng Phúc	Sang	Nam	06/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	7.18	Khá	A	B
341	19001632	Đặng Tấn	Tài	Nam	14/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	6.43	Trung bình	A	B
342	19001951	Đặng Duy	Tân	Nam	02/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	6.70	Trung bình	A	B
343	19003372	Nguyễn Hồng	Thái	Nam	07/01/2001	Long An	19C1-CNÔ3	6.82	Trung bình		B
344	19001922	Võ Chí	Thái	Nam	12/7/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ3	6.20	Trung bình	A	B
345	19001911	Phạm Quốc	Thanh	Nam	23/12/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ3	6.63	Trung bình	A	B
346	19001912	Trần Văn	Tú	Nam	16/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	6.56	Trung bình	A	B
347	19001874	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	23/02/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ3	7.01	Khá	A	B
348	19001919	Huỳnh	Út	Nam	15/4/2001	Cà Mau	19C1-CNÔ3	6.52	Trung bình	A	B
349	19001877	Nguyễn Thành	Văn	Nam	07/11/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ3	6.53	Trung bình		
350	19001933	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	06/8/2001	Cà Mau	19C1-CNÔ3	7.56	Khá	A	B
351	19003165	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	20/01/2001	Long An	19C1-CNÔ3	6.57	Trung bình	A	B
352	19001956	Nguyễn Văn	Vinh	Nam	12/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	6.63	Trung bình	A	B
353	19002010	Ngô Thái	An	Nam	09/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ4	6.35	Trung bình		
354	19003580	Nguyễn Trường	An	Nam	03/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ4	7.82	Khá	A	B
355	19002038	Dương Định	Ánh	Nam	20/7/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ4	6.73	Trung bình	A	B
356	19001992	Hồ Gia	Bảo	Nam	16/9/2001	Quảng Nam	19C1-CNÔ4	7.00	Khá	A	B
357	19002062	Nguyễn Đoàn Ba	Bi	Nam	17/10/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ4	6.74	Trung bình	A	B
358	19002064	Cao Minh	Châu	Nam	03/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ4	7.20	Khá	A	B
359	19002129	Lê Trọng	Cường	Nam	27/7/2000	Đắk Lắk	19C1-CNÔ4	6.54	Trung bình	A	
360	19003791	Ngô Mạnh	Cường	Nam	14/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ4	6.67	Trung bình		
361	19003814	Trần Minh	Đăng	Nam	05/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ4	7.85	Khá	A	B
362	19002043	Nguyễn Duy Thành	Danh	Nam	08/4/2000	Bình Thuận	19C1-CNÔ4	6.22	Trung bình	A	B
363	19002083	Nguyễn Thành	Đô	Nam	08/01/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ4	6.38	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
364	19003751	Nguyễn Quang	Đông	Nam	10/9/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ4	6.35	Trung bình	A	
365	19003735	Vũ Đình	Đức	Nam	05/7/2000	Thái Bình	19C1-CNÔ4	7.22	Khá	A	B
366	19002002	Bùi Quốc	Duy	Nam	25/7/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ4	7.34	Khá	A	B
367	19002044	Nguyễn Đình	Duy	Nam	02/8/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ4	6.07	Trung bình	A	
368	19001396	Nguyễn Nhựt	Duy	Nam	20/10/2001	Cà Mau	19C1-CNÔ4	6.77	Trung bình	A	B
369	19003638	Nguyễn Phi	Giao	Nam	11/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ4	6.77	Trung bình	A	B
370	19003768	Nguyễn Văn	Hà	Nam	13/10/2000	Lâm Đồng	19C1-CNÔ4	6.45	Trung bình	A	B
371	19002055	Lê Trọng	Hiếu	Nam	20/10/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ4	6.52	Trung bình	A	B
372	19002040	Phan Định	Hòa	Nam	29/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ4	7.20	Khá	A	B
373	19002042	Phạm Thành	Hợp	Nam	17/8/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ4	6.73	Trung bình	A	B
374	19003679	Trịnh Đạt	Hưng	Nam	16/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ4	7.87	Khá	A	B
375	19002051	Dương Quốc	Khoa	Nam	05/8/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ4	6.70	Trung bình	A	B
376	19003803	Phan Đăng	Khoa	Nam	22/9/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ4	6.66	Trung bình	A	B
377	19002063	Hoàng Minh	Khôi	Nam	24/01/2001	Bình Dương	19C1-CNÔ4	6.67	Trung bình		B
378	19003767	Nguyễn Thành	Khôi	Nam	10/10/2001	Bình Định	19C1-CNÔ4	6.34	Trung bình	A	B
379	19002029	Lý Anh	Kiệt	Nam	02/01/2001	Long An	19C1-CNÔ4	6.58	Trung bình		B
380	19003712	Bùi Thanh	Liêm	Nam	01/5/2000	Tiền Giang	19C1-CNÔ4	7.79	Khá		B
381	19002086	Phạm Minh	Nhật	Nam	07/01/2001	Đồng Nai	19C1-CNÔ4	7.11	Khá	A	B
382	19003645	Đào Trường	Phát	Nam	22/4/2001	Hà Tĩnh	19C1-CNÔ4	6.98	Trung bình		B
383	19002009	Nguyễn Lê Thanh	Phúc	Nam	21/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ4	6.35	Trung bình	A	B
384	19002075	Nguyễn Đức Đăng	Quang	Nam	02/02/2001	Long An	19C1-CNÔ4	6.95	Trung bình	A	B
385	19002005	Hồ Trần Nhật	Tân	Nam	04/5/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ4	7.00	Khá	A	B
386	19002089	Đình Hoài	Thanh	Nam	18/5/2001	Kiên Giang	19C1-CNÔ4	6.97	Trung bình		B
387	19002034	Trần Xuân	Thủy	Nam	27/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ4	6.62	Trung bình	A	
388	19001995	Hồ Đức	Trung	Nam	02/5/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ4	7.82	Khá	A	B
389	19002012	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	19/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ4	6.38	Trung bình	A	B
390	19002122	Phạm Thái	Ân	Nam	19/01/2001	Long An	19C1-CNÔ5	6.53	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
391	19002148	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	29/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ5	6.79	Trung bình		B
392	19002166	Phan Thanh	Huy	Nam	05/02/2001	An Giang	19C1-CNÔ5	6.52	Trung bình		
393	19002160	Đặng Hoàng	Khang	Nam	06/4/2001	Long An	19C1-CNÔ5	6.69	Trung bình		B
394	19002106	Bùi Mai Anh	Khoa	Nam	13/5/2000	Lâm Đồng	19C1-CNÔ5	6.62	Trung bình	A	B
395	19002101	Đỗ Thanh	Lễ	Nam	21/11/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ5	7.07	Khá		B
396	19002172	Lê Tấn	Mạnh	Nam	29/11/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ5	7.93	Khá		B
397	19002147	Nguyễn Phạm Tấn	Minh	Nam	12/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ5	6.75	Trung bình	A	B
398	19002178	Trần Lê Tuấn	Minh	Nam	22/6/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ5	7.56	Khá		
399	19002119	Võ Nhật	Nam	Nam	28/4/2001	Lâm Đồng	19C1-CNÔ5	7.37	Khá		B
400	19003658	Nguyễn Hoàng	Phi	Nam	20/02/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ5	7.82	Khá	A	B
401	19003590	Đỗ Trần	Phong	Nam	08/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ5	6.88	Trung bình	A	
402	19003684	Lã Huy	Phong	Nam	08/7/2001	Đồng Nai	19C1-CNÔ5	7.80	Khá	A	B
403	19003631	Phạm Duy	Phong	Nam	03/12/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ5	6.92	Trung bình	A	B
404	19002179	Huỳnh Hữu	Phúc	Nam	21/10/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ5	7.12	Khá	A	B
405	19002193	Trịnh Ngọc	Quân	Nam	02/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ5	6.79	Trung bình	A	B
406	19003898	Phan Nhật	Tân	Nam	04/6/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ5	6.85	Trung bình		B
407	19002103	Nguyễn Công Trường	Thịnh	Nam	27/02/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ5	6.97	Trung bình	A	B
408	19003600	Đặng Lâm	Thông	Nam	26/02/2001	Đồng Nai	19C1-CNÔ5	6.73	Trung bình		B
409	19002133	Phạm Hoàng	Thông	Nam	29/5/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ5	7.11	Khá		B
410	19002140	Lê Quốc	Tiến	Nam	12/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ5	6.92	Trung bình		B
411	19003771	Trần Ngọc	Tiến	Nam	29/11/2000	Bình Dương	19C1-CNÔ5	7.08	Khá		B
412	19003774	Hoàng Văn	Tiền	Nam	01/11/2001	Kiên Giang	19C1-CNÔ5	6.38	Trung bình	A	B
413	19002175	Hà Văn	Tĩnh	Nam	17/3/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ5	8.21	Giỏi	A	B
414	19003778	Mai Vũ Quan	Trung	Nam	15/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ5	7.34	Khá	A	B
415	19002134	Lê Anh	Tuấn	Nam	08/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ5	6.94	Trung bình	A	
416	19002130	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	19/01/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ5	6.74	Trung bình	A	B
417	19003611	Nguyễn Quốc	Tuấn	Nam	17/7/2001	Lâm Đồng	19C1-CNÔ5	6.74	Trung bình		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
418	19003808	Lê Quang	Vinh	Nam	07/4/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ5	6.83	Trung bình	A	B
419	19003893	Huỳnh Hoàng	Anh	Nam	23/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	6.58	Trung bình	A	B
420	19002281	Huỳnh Chí	Bảo	Nam	28/8/2001	Hậu Giang	19C1-CNÔ6	6.52	Trung bình		B
421	19002234	Trần Đức	Chánh	Nam	02/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	6.77	Trung bình	A	B
422	19002303	Đặng Tấn	Đạt	Nam	15/11/2001	Long An	19C1-CNÔ6	6.11	Trung bình		B
423	19002272	Trần Minh	Đạt	Nam	25/8/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ6	6.13	Trung bình		B
424	19002248	Huỳnh Nguyễn Quang	Duy	Nam	16/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	6.26	Trung bình	A	B
425	19002245	Trần Nguyễn Quốc	Duy	Nam	20/6/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ6	6.63	Trung bình	A	B
426	19002256	Trương Minh	Hòa	Nam	24/12/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ6	6.45	Trung bình	A	B
427	19002225	Nguyễn Đình An	Khang	Nam	14/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	5.58	Trung bình		
428	19003968	Trần Ngọc Đăng	Khoa	Nam	31/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	7.43	Khá	A	B
429	19003928	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	01/01/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ6	7.70	Khá	A	B
430	19002273	Nguyễn Thanh Vũ	Luân	Nam	18/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	5.93	Trung bình		B
431	19002250	Phạm Đăng	Luân	Nam	08/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	6.08	Trung bình	A	
432	19003920	Phạm Văn	Minh	Nam	28/9/2001	Ninh Bình	19C1-CNÔ6	7.09	Khá	A	B
433	19002329	Hồ Văn	Nhân	Nam	15/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	5.89	Trung bình	A	B
434	19002287	Lâm Thành	Nhân	Nam	19/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	7.39	Khá	A	B
435	19002289	Phan Hoài	Phúc	Nam	04/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	7.20	Khá	A	B
436	19002323	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	11/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	7.99	Khá	A	B
437	19002224	Phan Quang	Thiện	Nam	28/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	6.44	Trung bình	A	B
438	19002330	Bùi Thanh	Trí	Nam	14/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	6.09	Trung bình	A	B
439	19002404	Đỗ Đức Nhân	Chí	Nam	30/11/2001	Gia Lai	19C1-CNÔ7	6.18	Trung bình		B
440	19002375	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	13/12/2001	Bình Định	19C1-CNÔ7	7.36	Khá	A	
441	19002383	Trần Thành	Danh	Nam	12/6/2001	Long An	19C1-CNÔ7	6.31	Trung bình		B
442	19002398	Huỳnh Tấn	Hoanh	Nam	30/12/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ7	6.95	Trung bình	A	B
443	19002385	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	30/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ7	7.47	Khá		B
444	19002356	Phan Minh	Nhật	Nam	31/7/2001	Long An	19C1-CNÔ7	6.60	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
445	19002437	Phạm Hoàng	Phuong	Nam	21/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ7	7.34	Khá	A	
446	19002373	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	Nam	06/9/2001	Bình Định	19C1-CNÔ7	7.47	Khá	A	B
447	19002412	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	10/10/2001	Gia Lai	19C1-CNÔ7	6.87	Trung bình	A	B
448	19002401	Trần Thanh	Tài	Nam	24/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ7	7.01	Khá	A	B
449	19002382	Nguyễn Văn	Thanh	Nam	18/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ7	6.92	Trung bình	A	B
450	19003878	Huỳnh Duy	Thiện	Nam	21/6/1995	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ7	7.37	Khá	A	B
451	19002339	Nguyễn Hoàng	Thiện	Nam	11/8/2001	Đồng Nai	19C1-CNÔ7	8.01	Giỏi	A	B
452	19002393	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	06/12/2000	Gia Lai	19C1-CNÔ7	6.66	Trung bình		
453	19002406	Bùi Quốc	Toàn	Nam	12/11/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ7	7.16	Khá	A	B
454	19002368	Trần Quốc	Toãn	Nam	26/01/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ7	6.88	Trung bình	A	B
455	19002473	Hà	Tuấn	Nam	14/11/2001	Vĩnh Long	19C1-CNÔ7	7.30	Khá	A	B
456	19002445	Lê Anh	Tuấn	Nam	20/4/2001	Gia Lai	19C1-CNÔ7	6.65	Trung bình		B
457	19004182	Trần Anh	Tuấn	Nam	10/8/2001	Bình Phước	19C1-CNÔ7	7.16	Khá	A	B
458	19003826	Nguyễn Thanh	Văn	Nam	07/4/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ7	7.06	Khá		
459	19003930	Nguyễn Hữu	Vinh	Nam	09/01/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ7	6.90	Trung bình	A	
460	19003975	Nguyễn Chân	Xuân	Nam	17/6/2001	Đắk Nông	19C1-CNÔ7	6.53	Trung bình	A	B
461	19002489	Trần Ngọc	Châu	Nam	02/8/2001	Bình Dương	19C1-CNÔ8	6.99	Trung bình		B
462	19002539	Trương Cao	Đăng	Nam	18/6/2001	Long An	19C1-CNÔ8	7.24	Khá	A	B
463	19002512	Lê Tuấn	Đạt	Nam	21/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ8	6.56	Trung bình	A	B
464	19002517	Tăng Bảo	Duy	Nam	13/12/1999	Đồng Nai	19C1-CNÔ8	6.58	Trung bình	A	B
465	19002497	Trần Nhân	Hiệp	Nam	26/4/2001	Kon Tum	19C1-CNÔ8	6.98	Trung bình	A	B
466	19002550	Mai Xuân	Hùng	Nam	23/9/2001	Bình Định	19C1-CNÔ8	7.04	Khá	A	B
467	19002524	Châu Tự	Lực	Nam	16/9/2000	Long An	19C1-CNÔ8	7.67	Khá	A	B
468	19002510	Lê Văn	Nhân	Nam	04/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ8	6.51	Trung bình	A	B
469	19002509	Nguyễn Thành	Nhật	Nam	16/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ8	6.10	Trung bình		B
470	19002523	Lê Phạm Hoàng	Thái	Nam	17/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ8	6.65	Trung bình	A	B
471	19003015	Trần Mạnh	Tiến	Nam	03/6/2001	Hà Nam	19C1-CNÔ8	6.20	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
472	19003113	Hoàng Thanh	Dũng	Nam	27/12/2001	Bình Phước	19C1-CNÔ9	7.56	Khá	A	B
473	19002611	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	01/9/2001	Phú Yên	19C1-CNÔ9	7.38	Khá	A	B
474	19002676	Nguyễn Thanh	Hiệp	Nam	17/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ9	6.90	Trung bình		B
475	19002845	Phạm Duy	Lâm	Nam	14/3/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ9	6.70	Trung bình	A	B
476	19004130	Nguyễn Thanh	Son	Nam	29/11/2001	Vĩnh Long	19C1-CNÔ9	6.61	Trung bình		B
477	19002783	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	17/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ9	6.34	Trung bình	A	B
478	19002631	Huỳnh Quang	Thái	Nam	01/11/2001	Bình Định	19C1-CNÔ9	6.47	Trung bình		
479	19004082	Nguyễn Phương	Thứ	Nam	10/10/2001	Kiên Giang	19C1-CNÔ9	7.39	Khá	A	B
480	19002420	Nguyễn Phương Đông	Á	Nữ	01/10/2001	Trà Vinh	19C1-CNM1	7.74	Khá	A	
481	19004043	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	15/5/2001	Nam Định	19C1-CNM1	7.27	Khá	A	B
482	19003912	Trần Thị Diệu	Anh	Nữ	29/6/2001	Bắc Giang	19C1-CNM1	7.17	Khá	A	B
483	19005265	Thái Thị Xuân	Đào	Nữ	12/9/2001	Tiền Giang	19C1-CNM1	7.29	Khá	A	B
484	19003532	Tào Thùy	Duyên	Nữ	13/3/2001	Tây Ninh	19C1-CNM1	7.72	Khá	A	B
485	19005310	Phan Thanh	Hằng	Nữ	15/10/1980	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNM1	8.06	Giỏi		B
486	19002801	Lâm Nguyễn Kiều	Hạnh	Nữ	19/12/2001	Bến Tre	19C1-CNM1	7.07	Khá	A	B
487	19004196	Nguyễn Tạ Thiện	Hương	Nữ	12/02/2001	An Giang	19C1-CNM1	7.43	Khá	A	B
488	19002791	Vũ Thị	Kiều	Nữ	28/8/2000	Lâm Đồng	19C1-CNM1	6.89	Trung bình	A	B
489	19003453	Nguyễn Hoàng	Lan	Nữ	04/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNM1	8.30	Giỏi	A	B
490	19004047	Phạm Thuỳ	Linh	Nữ	17/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNM1	7.21	Khá		
491	19001729	Kim Thị Bích	Luân	Nữ	06/9/2001	Sóc Trăng	19C1-CNM1	7.75	Khá	A	B
492	19004233	Rơ Châm	Mlai	Nữ	20/5/2001	Gia Lai	19C1-CNM1	7.33	Khá	A	
493	19003594	Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	10/01/2001	Đồng Nai	19C1-CNM1	7.62	Khá	A	B
494	19004265	Đỗ Quỳnh	Như	Nữ	12/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNM1	7.85	Khá	A	B
495	19003001	Lê Thị Cẩm	Nhung	Nữ	25/12/2001	Long An	19C1-CNM1	8.07	Giỏi	A	B
496	19002428	Đỗ Mạnh	Phát	Nam	05/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNM1	7.51	Khá	A	B
497	19003147	Trần Thị Y	Phụng	Nữ	13/10/2001	Kiên Giang	19C1-CNM1	8.19	Giỏi	A	B
498	19004638	Võ Như	Quỳnh	Nữ	21/12/2000	Bình Thuận	19C1-CNM1	6.75	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
499	19004343	H -	Rap	Nữ	03/8/2001	Đắk Lắk	19C1-CNM1	6.34	Trung bình	A	B
500	19002384	Võ Thị Thanh	Thảo	Nữ	31/01/2001	Ninh Thuận	19C1-CNM1	7.46	Khá	A	
501	19002706	Nguyễn Thị Lệ	Thơ	Nữ	17/10/2001	Tiền Giang	19C1-CNM1	6.23	Trung bình		
502	19001737	Võ Anh	Thư	Nữ	01/12/2001	Bến Tre	19C1-CNM1	7.50	Khá	A	B
503	19005036	Trần Thị Triều	Tiên	Nữ	31/5/2001	Cần Thơ	19C1-CNM1	7.06	Khá	A	B
504	19003090	Hồ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	28/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNM1	7.36	Khá	A	B
505	19001238	Phạm Đức Ngọc	Tuyền	Nữ	05/9/1998	Quảng Ngãi	19C1-CNM1	8.08	Giỏi	A	
506	19003738	Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	10/02/2001	Bình Định	19C1-CNM1	6.80	Trung bình	A	
507	19002563	Phạm Đặng Thảo	Vy	Nữ	07/11/2001	Long An	19C1-CNM1	7.88	Khá	A	B
508	19002705	Lê Thị Mỹ	Yên	Nữ	29/7/2000	Tiền Giang	19C1-CNM1	6.61	Trung bình	A	B
509	19005392	Đặng Thị Mỹ	Châu	Nữ	06/01/2001	Thừa Thiên -Huế	19C1-KTD1	7.07	Khá		
510	19001018	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	14/8/2000	Đắk Lắk	19C1-KTD1	7.06	Khá	A	
511	19005202	Dương Thị Tú	Trinh	Nữ	30/01/2001	Trà Vinh	19C1-KTD1	6.90	Trung bình	A	B
512	19005430	Phan Đức	Anh	Nam	16/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LGT1	7.91	Khá	A	B
513	19002504	Hồ Trường	Khôi	Nam	08/01/2001	Long An	19C1-QTD1	6.45	Trung bình		
514	19001079	Hồ Nhật	Linh	Nữ	19/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTD1	6.46	Trung bình		
515	19002613	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	11/5/2001	Đắk Lắk	19C1-QTD1	6.54	Trung bình		B
516	19004310	Hoàng Minh	Thư	Nữ	20/10/2001	Bình Phước	19C1-QTD1	7.03	Khá	A	B
517	19004304	Phan Thị Thuý	Vy	Nữ	13/6/2001	Bình Phước	19C1-QTD1	6.68	Trung bình	A	B
518	19002720	Huỳnh Ngọc Kim	Hân	Nữ	20/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-NNA1	7.03	Khá	A	
519	19003039	Cao Thành	Phát	Nam	20/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-NNA1	7.70	Khá	A	
520	19003749	Trần Minh	Quân	Nam	15/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-NNA1	6.16	Trung bình	A	
521	19003966	Tất Khang	Thành	Nam	21/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-NNA1	7.66	Khá	A	
522	19003794	Nguyễn Trung	Tín	Nam	18/12/2001	Tây Ninh	19C1-NNA1	7.46	Khá		
523	19001837	Bùi Chí	Bảo	Nam	01/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CNÔ1	6.76	Trung bình	A	
524	19004074	Hồ Ngọc	Bảo	Nam	26/8/2001	Tây Ninh	19C3-CNÔ1	6.82	Trung bình		
525	19001944	Phạm Phú	Đạt	Nam	10/11/2001	Quảng Nam	19C3-CNÔ1	6.59	Trung bình		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
526	19003483	Nguyễn Văn	Huỳnh Đức	Nam	16/12/2001	Đồng Tháp	19C3-CNÔ1	7.03	Khá	A	
527	19001888	Lê Huỳnh	Thái Duy	Nam	01/4/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C3-CNÔ1	7.33	Khá	A	
528	19001850	Nguyễn Hữu	Duy	Nam	27/10/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C3-CNÔ1	6.76	Trung bình	A	
529	19002726	Trần Minh	Hoàng	Nam	13/4/2001	Đồng Nai	19C3-CNÔ1	7.36	Khá	A	
530	19004072	Kiều Quốc	Huy	Nam	21/8/2001	Tây Ninh	19C3-CNÔ1	6.81	Trung bình	A	
531	19003283	Đinh Vĩnh	Khang	Nam	20/02/2001	Tây Ninh	19C3-CNÔ1	6.91	Trung bình	A	
532	19002624	Võ Văn	Linh	Nam	12/01/2001	Đồng Tháp	19C3-CNÔ1	8.02	Giỏi		
533	19001890	Trần Hữu	Lợi	Nam	27/9/1996	Đồng Tháp	19C3-CNÔ1	7.16	Khá	A	
534	19001989	Nguyễn Phương	Nam	Nam	12/3/2001	Trà Vinh	19C3-CNÔ1	6.99	Trung bình	A	
535	19002921	Lê Hoàng	Nhân	Nam	08/02/2001	Bến Tre	19C3-CNÔ1	6.85	Trung bình	A	
536	19003982	Lê Hùng	Phong	Nam	07/8/2001	Thanh Hoá	19C3-CNÔ1	7.67	Khá	A	
537	19002433	Ngô Hồng	Phong	Nam	20/3/2001	Tây Ninh	19C3-CNÔ1	7.53	Khá	A	
538	19003576	Phạm Thiên	Phúc	Nam	22/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CNÔ1	6.92	Trung bình	A	
539	19001814	Lê Hoàng	Sơn	Nam	03/6/2001	Đắk Lắk	19C3-CNÔ1	7.13	Khá	A	
540	19003255	Lâm Trọng	Thắng	Nam	06/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CNÔ1	7.17	Khá	A	
541	19003945	Đặng Đình	Tiến	Nam	24/12/2001	Bình Phước	19C3-CNÔ1	7.32	Khá	A	
542	19003369	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	08/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CNÔ1	7.39	Khá	A	
543	19001739	Võ Hữu	Trọng	Nam	24/5/2001	Đồng Tháp	19C3-CNÔ1	6.74	Trung bình	A	
544	19001796	Phạm Lê	Tuyên	Nam	15/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CNÔ1	7.80	Khá	A	
545	19002629	Lê Nguyễn Anh	Vũ	Nam	20/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CNÔ1	7.35	Khá	A	
546	19002568	Lê Long	An	Nam	30/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CNÔ2	8.10	Giỏi	A	
547	19002283	Trần Văn	Bảo	Nam	01/01/2000	Bạc Liêu	19C3-CNÔ2	7.27	Khá	A	
548	19003460	Ngô Công	Bình	Nam	07/10/2001	Bình Phước	19C3-CNÔ2	7.56	Khá	A	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										Tin học	Anh văn
549	19002555	Huỳnh Minh	Chiến	Nam	02/02/2001	Tây Ninh	19C3-CNÔ2	7.32	Khá	A	
550	19003610	Đặng Thế	Duy	Nam	15/4/2001	Quảng Ngãi	19C3-CNÔ2	6.88	Trung bình		
551	19002091	Huỳnh Minh	Hiếu	Nam	16/11/2001	Bình Thuận	19C3-CNÔ2	7.18	Khá	A	
552	19002727	Trương Long	Hồ	Nam	22/10/1999	Long An	19C3-CNÔ2	7.00	Khá	A	
553	19004326	Trần Văn	Hoàng	Nam	25/01/2001	Bình Phước	19C3-CNÔ2	8.00	Giỏi	A	
554	19003910	Phạm Hoàng	Huy	Nam	08/01/2001	Long An	19C3-CNÔ2	7.38	Khá		
555	19003697	Phạm Đăng	Khôi	Nam	20/02/2001	Quảng Ngãi	19C3-CNÔ2	7.17	Khá	A	
556	19002261	Hồ Bảo	Long	Nam	19/11/2000	Tây Ninh	19C3-CNÔ2	6.94	Trung bình		
557	19001977	Nguyễn Nhật	Nam	Nam	19/9/2000	Tây Ninh	19C3-CNÔ2	6.87	Trung bình		
558	19002619	Nguyễn Hữu	Thịnh	Nam	15/12/2001	Đồng Tháp	19C3-CNÔ2	8.46	Giỏi	A	
559	19003050	Nguyễn Trường	Thuận	Nam	28/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CNÔ2	7.44	Khá	A	
560	19002930	Đoàn Đức	Toàn	Nam	23/6/2001	Cà Mau	19C3-CNÔ2	7.61	Khá	A	
561	19002958	Phan Phi	Trường	Nam	23/10/2000	Tây Ninh	19C3-CNÔ2	6.53	Trung bình		
562	19002736	Mai Văn	Tuấn	Nam	07/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CNÔ2	7.35	Khá	A	

Tổng cộng danh sách có 562 sinh viên

Trong đó: Xuất sắc	1	0.2 %
Giỏi	29	5.2 %
Khá	200	35.6 %
Trung bình	332	59 %